

Vietnam Daily Review

Xu hướng tích lũy đi lên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/7/2022	•		
Tuần 11/7-15/7/2022	•		
Tháng 7/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phá vỡ đà đi ngang của phiên sáng, VN-Index đã tăng điểm nhẹ trong phiên chiều. Thanh khoản thị trường duy trì tại ngưỡng trung bình 20 phiên. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với số mã tăng áp đảo số mã giảm. Phiên hôm nay có 15/19 ngành tăng điểm với mũi nhọn đến từ nhóm ngành Dịch vụ tài chính, Hóa chất và Tiện ích. Khối ngoại mua ròng trên cả hai sàn giao dịch. VN-Index dự kiến có thể kiểm tra ngưỡng 1200 điểm trong các phiên giao dịch sắp tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): GVR_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.25** điểm, đóng cửa **1182.17** điểm. HNX-Index **+3.39** điểm, đóng cửa **284.75** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.22)**, **VCB (+0.72)**, **BCM(+0.70)**, **GVR (+0.67)**, **CTG (+0.55)**.
- Kéo chỉ số giảm: **MWG (-0.36)**, **HPG (-0.14)**, **TCB (-0.13)**, **VRE (-0.11)**, **ITA (-0.08)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,919 tỷ đồng, giảm **5.83%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,968 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 12.13 điểm. Thị trường có **241** mã tăng, 86 mã tham chiếu và **185** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **146.05 tỷ** đồng trên sàn HOSE, gồm **MWG (35.04 tỷ)**, **STB (27.76 tỷ)**, **CTG (25.56 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **8.31 tỷ** đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1182.17**

Giá trị: 9918.89 tỷ

8.25 (0.7%)

Khối ngoại (ròng): 146.05 tỷ

HNX-INDEX **284.75**

Giá trị: 1312.25 tỷ

3.39 (1.2%)

Khối ngoại (ròng): 8.31 tỷ

UPCOM-INDEX **87.19**

Giá trị: 0.51 tỷ

0.1 (0.11%)

Khối ngoại (ròng): -7.46 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	94.0	-2.35%
Giá vàng	1,717	-1.08%
Tỷ giá USD/VND	23,400	0.12%
Tỷ giá EUR/VND	23,453	0.19%
Tỷ giá JPY/VND	16,806	-1.08%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	0.62%
LS TPCP 5 năm	2.5%	-0.10%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
MWG	35.0	HDB	-18.3
STB	27.8	SSI	-16.5
CTG	25.6	VHC	-12.8
GAS	22.0	E1VFN30	-12.3
HPG	19.5	VHM	-10.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/07

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	USD/barrel	96.30	0.48%	-2.26%	-17.17%	31.68%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/barrel	99.89	0.40%	-0.79%	-15.19%	33.61%	PVT	GAS, BSR
Xăng	UScent/gallon	3.23	-0.95%	-0.09%	-15.83%	40.99%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/ounce	1735.22	0.55%	-0.18%	-4.03%	-5.03%		PNJ
Bạc	USD/ounce	19.20	1.60%	0.07%	-8.92%	-26.83%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1588.25	-0.28%	0.51%	-6.49%	9.31%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	UScent/bushel	801.75	0.34%	1.20%	-23.66%	22.54%	AFX	
Sữa	USD /cwt	22.72	0.26%	1.47%	-6.54%	35.32%	KDC	VNM, GTN
Cao su*	JPY/kg	253.90	-1.05%	0.36%	0.00%	21.83%	SRC, CSM	DPR, PHR
Đường	US cent/lb	654.25	0.04%	-1.84%	-1.87%	50.58%	VNM, GTN	SBT, LSS
Cà phê	US cent/lb	16.12	-0.56%	1.70%	-2.66%	22.64%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD /ton	209.80	0.26%	-5.71%	-7.56%	37.21%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép*	USD/ton	3.33	0.88%	-2.71%	-19.99%	-22.25%	PC1, CTD	HPG
Thép HRC*	USD/ton	3930.00	-0.25%	-6.87%	-15.67%	-20.61%		
Nhôm	USD/ton	2363.00	-0.08%	-1.93%	-8.05%	-5.87%	CAV, SAM	
Quặng sắt*	USD/ton	107.50	-4.44%	-6.11%	-21.82%	-51.47%	HPG	
Than đá	USD/ton	432.00	1.41%	8.08%	12.79%	198.96%	HT1, HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.44% xuống 95.88 USD/thùng vào sáng ngày 14/7. Trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 9 tăng 0.36% lên 99.85 USD/thùng.
- Giá dầu thô tăng nhẹ trong phiên giao dịch ngày 13/7 sau khi tồn kho dầu thô Mỹ tăng và dữ liệu lạm phát Mỹ đẩy lên triển vọng về một tăng lãi suất mạnh khác từ Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed).

Giá vàng

- Trong phiên giao dịch sáng ngày 14/7, giá vàng giao ngay giảm 0.07% xuống 1,734.5 USD/ounce, theo kitco. Giá vàng giao tháng 8 cũng giảm 0.03% xuống 1,732.7 USD.
- Giá vàng đã bật tăng từ đáy một năm trong phiên giao dịch ngày 13/7 nhờ đồng USD yếu, giúp vàng tránh áp lực từ triển vọng tăng lãi suất sau khi giá tiêu dùng của Mỹ tăng mạnh.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su kỳ hạn giao tháng 8/2022 ghi nhận mức 254.2 yen/kg, tăng 0.47% (tương đương 1.2 yen/kg).
- Trên Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 7/2022 được điều chỉnh xuống mức 11,950 nhân dân tệ/tấn, giảm 0.83% (tương đương 100 nhân dân tệ) so với giao dịch trước đó.

Giá nông sản

- Giá cà phê trực tuyến robusta tại London giao tháng 9/2022 được ghi nhận tại mức 1,981 USD/tấn sau khi tăng 1.38% (tương đương 27 USD).
- Giá cà phê arabica giao tháng 9/2022 tại New York đạt mức 207.35 US cent/pound, tăng 2% (tương đương 0.97 US cent).

Thị trường chứng khoán thế giới

	14/7	% 14/7	13/7	% 13/7	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1182.17	0.70%	1173.92	-0.08%	1.35%	-3.91%
S&P 500			3801.78	-0.45%	-1.13%	-5.38%
HĐTL S&P500	3759.50	-1.18%	3804.50	-0.50%	-3.73%	-3.61%
Shang-hai	3281.74	-0.08%	3284.29	0.09%	-2.46%	-0.22%
Euro Stoxx	3412.38	-1.20%	3453.97	-0.95%	-2.18%	-1.81%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Phân tích kỹ thuật

GVR_Tín hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên
 - Chỉ báo RSI: Đường RSI từ vùng quá bán đi lên

Nhận định: GVR có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nền Marubozu gần như hoàn hảo, hình thành nền xanh bao trùm cây nến trước đó. Thanh khoản của cổ phiếu cao hơn mức trung bình 20 phiên. Đường MACD cắt đường tín hiệu đi lên, chỉ báo RSI tạo phân kỳ tăng, đồng thời đi từ vùng quá bán đi lên cắt qua 50, ủng hộ xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu nằm dưới MA(50) nhưng đã cắt qua đường MA(20) đi lên. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 23.2, chốt lãi tại ngưỡng 26.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 21.9.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

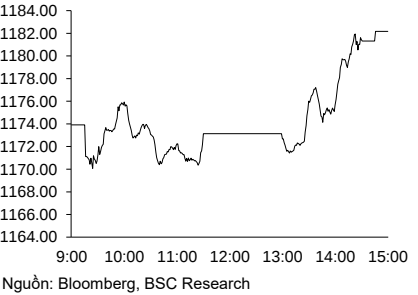
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dịch vụ tài chính	3.98%
Hóa chất	2.52%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.67%
Du lịch và Giải trí	0.94%
Ô tô và phụ tùng	0.82%
Thực phẩm và đồ uống	0.73%
Xây dựng và Vật liệu	0.63%
Dầu khí	0.58%
Bất động sản	0.54%
Ngân hàng	0.53%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.46%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.40%
Viễn thông	0.38%
Công nghệ Thông tin	0.35%
Y tế	0.19%
Tài nguyên Cơ bản	-0.19%
Bảo hiểm	-0.47%
Truyền thông	-0.78%
Bán lẻ	-1.29%

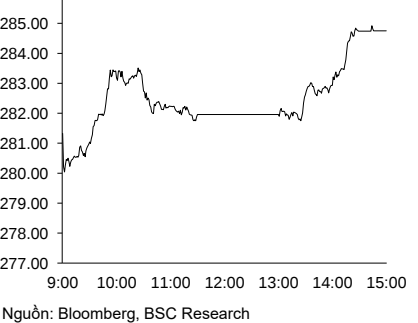
Hình 1

HSX-Index Intraday



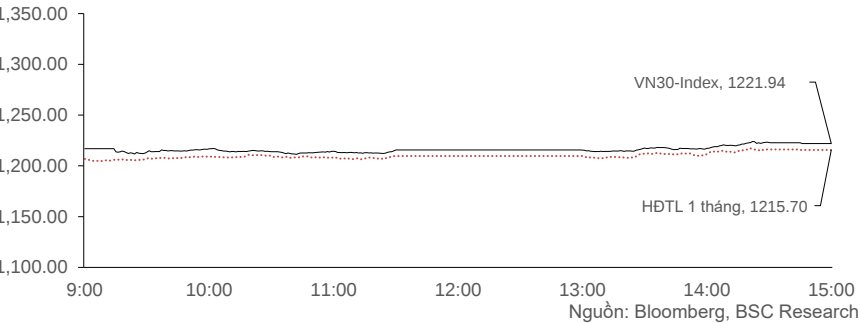
Hình 2

HNX-Index Intraday



Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2207	1215.70	0.47%	-6.24	-3.8%	242,459	7/21/2022	7
VN30F2208	1213.60	0.30%	-8.34	62.9%	1,574	8/18/2022	35
VN30F2209	1212.10	0.17%	-9.84	-63.0%	17	9/15/2022	63
VN30F2212	1211.80	0.03%	-10.14	44.4%	26	12/15/2022	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 5.0 điểm lên 1221.94 điểm, biên độ dao động 12.87 điểm. Các cổ phiếu như VPB, MSN, KDH, SSI và VJC đã tác động đến nhịp vận động của VN30. VN30 hôm nay tiếp tục vận động và tích lũy trong biên độ nhỏ với thanh khoản thấp ở mức thấp. Các chỉ báo kỹ thuật và mẫu hình nền đang ở trạng thái trung lập, chưa có xác nhận xu hướng rõ ràng. Khuyến nghị các nhà đầu tư cân nhắc giao dịch ngắn hạn trong phiên.
- Các HDTL hầu hết tăng điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30VF2212 tăng so với phiên trước đó. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm, chỉ riêng HĐ VN30VF2209 tăng so với phiên trước đó.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CKDH2204	8/15/2022	32	8:1	151,200	37.16%	1,300	50	66.67%	0	738.07	89,973	53,333	36,800
CKDH2206	9/20/2022	68	8:1	273,500	37.16%	1,100	150	36.36%	4	39.03	60,999	52,999	36,800
CKDH2207	11/7/2022	116	4:1	1,000	37.16%	1,700	580	20.83%	83	6.98	56,280	50,000	36,800
CSTB2207	8/22/2022	39	5:1	465,300	47.08%	1,000	120	9.09%	32	3.80	32,238	28,888	23,300
CMBB2201	9/20/2022	68	2:1	98,600	36.08%	2,700	580	3.57%	217	2.67	34,300	29,500	25,500
CPNJ2201	9/20/2022	68	7.91:1	107,100	41.82%	2,300	3,060	2.00%	2,902	1.05	97,554	95,500	115,500
CSTB2211	12/27/2022	166	8:1	1,837,700	47.08%	1,000	560	1.82%	392	1.43	31,173	23,333	23,300
CVNM2204	10/7/2022	85	10:1	424,500	26.64%	1,500	810	1.25%	383	2.11	81,600	73,000	72,400
CSTB2214	1/9/2023	179	2:1	106,300	47.08%	1,630	2,190	0.46%	1,710	1.28	23,840	23,000	23,300
CVHM2205	8/15/2022	32	15.5:1	3,200	26.61%	1,000	40	0.00%	0	343.60	91,685	78,888	60,100
CSTB2213	1/3/2023	173	8:1	24,200	47.08%	1,000	580	0.00%	342	1.69	35,324	24,444	23,300
CPNJ2203	10/3/2022	81	24.8:1	195,600	41.82%	1,300	890	-1.11%	701	1.27	126,542	109,999	115,500
CPNJ2202	10/3/2022	81	24.8:1	127,900	41.82%	1,200	880	-1.12%	787	1.12	130,482	99,999	115,500
CTCB2205	10/19/2022	97	5:1	10,200	33.46%	2,300	570	-1.72%	50	11.33	55,250	46,500	35,950
CVRE2204	10/7/2022	85	5:1	15,100	39.61%	1,000	330	-2.94%	66	4.97	33,000	33,000	26,050
CMBB2206	10/3/2022	81	10:1	104,500	36.08%	1,000	550	-3.51%	394	1.40	101,222	22,222	25,500
CPOW2203	9/5/2022	53	2:1	613,900	54.93%	1,600	480	-5.88%	161	2.98	18,100	15,700	13,100
CMBB2207	1/3/2023	173	10:1	75,800	36.08%	1,000	630	-8.70%	388	1.62	32,656	23,456	25,500
CVHM2206	9/26/2022	74	4.85:1	6,800	26.61%	1,790	130	-31.58%	2	63.96	92,048	86,000	60,100
CVHM2201	9/21/2022	69	15.5:1	335,900	26.61%	1,300	40	-42.86%	0	145.80	167,186	87,678	60,100
Tổng				4,978,300	38.40%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

- Trong phiên giao dịch ngày 14/07/2022, các chứng quyền giảm theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2211 và CKDH2206 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 400.00% và 100.00%. Giá trị giao dịch tăng 6.85%, CHPG2213 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 24.17% thị trường.
- CVHM2202, CVHM2205, CSTB2207 và CVRE2204 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CPNJ2203, CPOW2202, CMBB2206 và CNVL2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CPNJ2201, CPNJ2202 và CMBB2206 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	62.6	-1.6%	0.7	3,984	5.8	3,515	17.8	4.1	48.7%	25.8%
PNJ	Bán lẻ	115.5	0.4%	0.7	1,217	1.8	5,443	21.2	3.5	49.0%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	57.9	-0.2%	1.3	1,869	1.9	2,529	22.9	2.0	26.6%	8.9%
PVI	Bảo hiểm	44.5	0.5%	0.7	453	0.0	3,630	12.3	1.3	58.5%	11.0%
VIC	Bất động sản	69.5	0.0%	0.5	11,525	4.3	(578) #N/A	N/A	2.5	12.2%	-2.4%
VRE	Bất động sản	26.1	-0.8%	1.1	2,574	1.3	401	65.0	1.9	31.9%	3.0%
VHM	Bất động sản	60.1	0.0%	0.8	11,378	5.0	8,786	6.8	2.0	23.3%	34.5%
DXG	Bất động sản	21.8	1.9%	1.5	575	7.6	1,503	14.5	1.4	30.0%	11.3%
SSI	Chứng khoán	21.5	3.9%	1.7	1,393	21.5	2,841	7.6	1.5	22.3%	22.6%
VCI	Chứng khoán	38.9	6.9%	1.0	566	9.8	4,884	8.0	1.8	18.8%	26.9%
HCM	Chứng khoán	24.8	6.9%	1.6	492	10.8	2,619	9.4	1.5	43.1%	17.9%
FPT	Công nghệ	82.8	0.4%	1.0	3,949	3.2	4,293	19.3	4.7	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	68.6	1.6%	0.4	979	0.0	4,926	13.9	3.8	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	98.8	2.6%	1.0	8,222	3.0	5,109	19.3	3.5	2.8%	19.2%
PLX	Dầu khí	40.1	0.4%	1.5	2,215	0.4	1,950	20.6	2.0	17.6%	9.9%
PVS	Dầu khí	23.7	0.0%	1.6	493	5.1	1,408	16.8	0.9	9.0%	5.5%
BSR	Dầu khí	23.1	2.2%	0.8	3,114	8.1	2,108	11.0	1.9	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.2	-0.2%	0.3	501	0.0	6,105	14.4	3.2	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	50.5	6.4%	1.3	859	7.0	12,920	3.9	1.6	16.2%	50.2%
DCM	Hóa chất	30.1	6.9%	1.2	692	6.6	5,643	5.3	1.8	9.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	72.4	0.8%	0.8	14,897	1.0	4,855	14.9	2.9	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	36.2	0.3%	1.2	7,951	2.4	2,266	16.0	2.1	16.9%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.0	1.7%	1.5	5,642	6.1	2,558	10.6	1.3	26.5%	13.0%
VPB	Ngân hàng	28.1	1.1%	1.2	5,422	11.8	3,874	7.2	1.4	17.6%	24.0%
MBB	Ngân hàng	25.5	0.8%	1.3	4,189	8.0	3,623	7.0	1.5	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	24.1	0.2%	1.1	3,532	1.5	3,081	7.8	1.7	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	56.0	0.9%	0.7	199	0.1	3,150	17.8	1.9	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	37.0	1.6%	0.6	208	0.1	3,628	10.2	1.7	17.8%	16.9%
MSR	Tài nguyên	19.8	8.8%	1.5	946	0.7	178	111.2	1.5	10.1%	1.4%
HPG	Thép	22.2	-0.4%	1.1	5,613	12.1	5,726	3.9	1.3	15.7%	40.4%
HSG	Thép	18.0	0.6%	1.6	390	5.3	7,157	2.5	0.8	7.0%	35.8%
VNM	Tiêu dùng	72.4	-0.1%	0.6	6,579	3.1	4,390	16.5	4.7	54.6%	28.9%
SAB	Tiêu dùng	154.9	0.8%	0.8	4,319	0.2	5,969	26.0	4.6	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	102.5	1.5%	1.0	6,345	1.6	7,041	14.6	5.3	28.7%	45.7%
SBT	Tiêu dùng	18.5	4.5%	1.6	506	2.9	1,144	16.2	1.4	8.1%	8.3%
ACV	Vận tải	78.4	1.2%	0.8	7,421	0.1	363	216.1	4.5	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	126.7	1.5%	1.1	2,984	2.9	361	350.5	4.0	16.8%	1.2%
HVN	Vận tải	16.5	0.0%	1.7	1,584	0.7	(5,210) #N/A	N/A #N/A	N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	49.5	0.3%	1.0	648	1.8	2,256	21.9	2.3	45.6%	10.8%
PVT	Vận tải	19.3	0.5%	1.4	271	0.8	2,088	9.2	1.2	13.1%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	72.5	-0.7%	0.9	504	0.1	10,540	6.9	2.2	3.2%	37.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.7	0.2%	0.7	988	1.8	3,677	13.8	2.9	5.6%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	-1.2%	1.1	265	0.4	783	20.4	1.2	1.9%	5.6%
CTD	Xây dựng	62.1	0.5%	1.3	199	2.1	(27) #N/A	N/A	0.6	52.5%	0.0%
CII	Xây dựng	19.2	3.2%	1.3	210	3.7	1,266	15.1	0.9	11.0%	6.1%
REE	Điện	77.5	0.1%	-1.4	1,198	1.6	5,994	12.9	2.0	49.1%	16.7%
PC1	Điện	35.2	0.0%	-0.4	360	1.8	3,238	10.9	1.7	4.7%	16.9%
POW	Điện	13.1	0.8%	0.6	1,334	5.6	859	15.3	1.1	2.3%	6.9%
NT2	Điện	24.1	4.8%	0.7	302	1.3	1,933	12.5	1.6	14.0%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	36.0	0.0%	1.5	1,200	5.8	866	41.5	1.9	14.6%	5.3%
BCM	Khu công nghiệp	63.6	4%	0.9	2,862	0.4	1,190	53.4	4.0	2.7%	8.4%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	98.80	2.60	1.22	697700
VCB	72.40	0.84	0.73	329400
BCM	63.60	4.26	0.69	131900
GVR	23.20	2.88	0.66	1.62MLN
CTG	27.00	1.69	0.55	5.26MLN

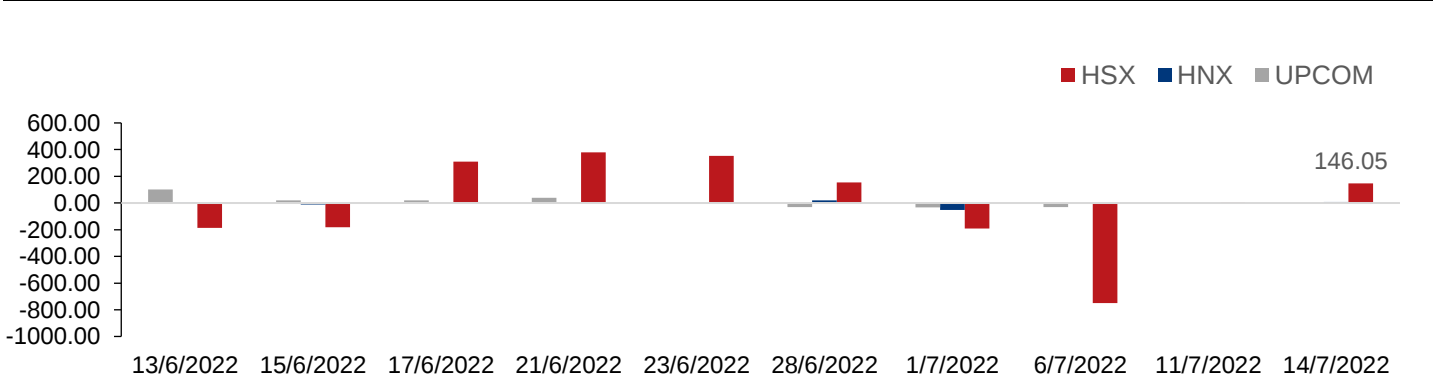
Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
MWG	0.00	-0.37	2.13MLN	1.11MLN
PGV	0.00	-0.26	2300	607060
TCB	0.00	-0.14	2.90MLN	373600
VRE	0.00	-0.12	1.16MLN	192700
HPG	0.00	-0.11	12.52MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FDC	26.75	7.00	0.02	100.00
FTS	39.05	6.99	0.10	1.25MLN
COM	45.25	6.97	0.01	4600
VPH	8.77	6.95	0.01	779600
DCM	30.05	6.94	0.26	5.14MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAT	15.95	-7.00	-0.02	5400
DTT	14.70	-6.96	0.00	600
CLW	30.80	-6.95	-0.01	100.00
LCM	3.06	-6.71	0.00	49800
TTE	11.45	-6.15	-0.01	500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
 Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	62.8	3,434	18.3	5.1	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
3	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.9	1,701	8.1	0.6	Click
4	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	24.1	1,933	12.5	1.6	Click
5	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	70.8	10,029	7.1	1.4	Click
6	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	76.0	4,874	15.6	4.9	Click
7	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	35.2	3,238	10.9	1.7	Click
8	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.6	-129	#N/A N/A	0.7	Click
9	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.8	4,293	19.3	4.7	Click
10	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	27.6	2,466	11.2	1.8	Click
11	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	19.5	9,632	2.0	0.8	Click
12	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.1	859	15.3	1.1	Click
13	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
14	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	62.6	3,515	17.8	4.1	Click
15	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.3	2,088	9.2	1.2	Click
16	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	97.0	8,710	11.1	4.9	Click
17	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	22.2	5,726	3.9	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	36.0	866	41.5	1.9	Click
19	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	23.1	5,084	4.5	1.5	Click
20	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	21.8	1,503	14.5	1.4	Click
21	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	53.4	4,775	11.2	4.3	Click
22	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	45.3	2,136	21.2	2.3	Click
23	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	26.6	2,701	9.8	1.8	Click
24	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	80.0	8,331	9.6	2.3	Click
25	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	28.8	1,941	14.8	1.3	Click
26	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	44.5	3,630	12.3	1.3	Click
27	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	23.7	1,408	16.8	0.9	Click
28	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	98.8	5,109	19.3	3.5	Click
29	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	22.3	3,141	7.1	1.4	Click
30	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	62.1	-27	#N/A N/A	0.6	Click
31	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	13.9	1,701	8.1	0.6	Click
32	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.3	1,350	7.6	0.5	Click
33	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	10.3	1,350	7.6	0.5	Click
34	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	11.1	2,433	4.5	0.9	Click
35	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
36	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	115.5	5,443	21.2	3.5	Click
37	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	62.6	3,515	17.8	4.1	Click
38	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	49.3	2,762	17.8	3.5	Click
39	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	38.0	1,900	20.0	1.7	Click
40	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	23.1	2,108	11.0	1.9	Click
41	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	16.4	1,034	15.9	1.0	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	80.0	8,331	9.6	2.3	Click
43	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	39.0	2,916	13.4	2.1	Click
44	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	11.6	991	11.7	0.8	Click
45	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	26.4	1,956	13.5	1.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	37.5	3328.9	11.3	1.7	Click
47	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.1	1,933	12.5	1.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
4	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
5	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
6	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
7	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
8	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
10	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
11	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
13	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
15	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
16	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
19	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
22	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
25	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
26	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
27	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
28	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
31	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
33	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
35	Banking Sector Outlook		x	Click
36	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
38	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
39	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
40	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
41	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
43	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
44	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639